VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1762/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang tại Tờ trình số 515/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; Báo cáo thẩm định số 5993/BC-HĐTĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược của Quy hoạch tỉnh; Công văn số 9662/CV-HĐTĐ ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng thẩm định Quy hoạch tỉnh về việc rà soát hồ sơ Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Văn bản số 8524/UBND-TH ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc hoàn thiện hồ sơ và dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Tiền Giang có diện tích tự nhiên là 2.556,4 km^2, có tọa độ địa lý nằm từ $10^0$12'20" đến $10^0$35'26" vĩ độ Bắc và $105^0$49'07" đến $106^0$48'06" kinh độ Đông, thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Phía Bắc và Đông Bắc: giáp tỉnh Long An và Thành phố Hồ Chí Minh; phía Nam: giáp tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long; phía Đông: giáp biển Đông; phía Tây: giáp tỉnh Đồng Tháp.

Phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm

a) Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và bền vững; phù hợp với quy hoạch, kế hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch, kế hoạch ngành quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long và các quy hoạch, kế hoạch liên quan.

b) Khai thác và phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; tổ chức lại không gian ven biển trở thành khu vực động lực của tỉnh, phát triển các ngành, lĩnh vực, trọng tâm là kinh tế biển; bố trí không gian hợp lý, hài hòa phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị, trong đó, chú trọng vai trò kết nối đô thị - công nghiệp với thành phố Cần Thơ, tỉnh Long An và vùng Thành phố Hồ Chí Minh; đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; tạo đột phá phát triển một số ngành, lĩnh vực, khu vực có lợi thế; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Lấy con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực, mục tiêu của sự phát triển gắn với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút, trọng

dụng, đãi ngộ nhân tài, nhất là trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên của tỉnh. Phát triển hài hòa, tổng thể, toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; thích ứng với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng, an ninh; ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội; mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Tiền Giang cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, có các vùng động lực, trung tâm kinh tế về công nghiệp, du lịch, kinh tế biển và đô thị. Là tỉnh giữ vai trò kết nối quan trọng giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long với Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Người dân có cuộc sống ấm no, văn minh, hạnh phúc.

b) Mục tiêu cụ thể (giai đoạn 2021 - 2030)

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) đạt 7,0 - 8,0%/năm.

+ Tỷ trọng trong GRDP của ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 41,5 - 43,5%; ngành dịch vụ chiếm 29,5 - 30,0%; ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 21,5 - 23,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm 5,5%.

+ Năng suất lao động xã hội tăng bình quân 9 - 10%/năm.

+ Tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 9 - 10%/năm. Phấn đấu đến năm 2030, tự cân đối thu chi ngân sách.

- Về xã hội:

+ Tốc độ tăng dân số bình quân đạt 0,7%/năm.

+ Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giảm bình quân 0,1 - 0,2 điểm % mỗi năm.

+ 100% đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới và tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%; trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ là 34%.

+ Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: mầm non đạt 85%; tiểu học đạt 90% và trung học cơ sở, trung học phổ thông đạt 85%.

+ Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân là 9 bác sỹ; tỷ lệ giường bệnh/vạn dân là 27 giường; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%.

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt 45 - 47%.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng 1,57%.

+ 100% dân số đô thị và 90% dân số nông thôn sử dụng nước sạch theo quy chuẩn; 99% chất thải rắn sinh hoạt đô thị và 85% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định.

+ Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt trên 50% đối với các đô thị loại II; đạt trên 20% đối với các đô thị còn lại. Tỷ lệ nước thải y tế được thu gom và xử lý đạt 100%.

+ 100% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung bảo đảm theo quy định.

+ 100% chất thải nguy hại, chất thải rắn y tế được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Về quốc phòng, an ninh: bảo đảm quốc phòng - an ninh, xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, đảm bảo cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho Nhân dân.

3. Các đột phá phát triển

a) Tập trung nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại tại 3 vùng, hành lang kinh tế trọng điểm gồm: vùng kinh tế biển Gò Công, vùng công nghiệp Tân Phước và hành lang kinh tế dọc sông Tiền. Phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế chủ lực: chế biến nông, thủy sản, thực phẩm, y - sinh - hóa - dược, chế biến, chế tạo, xây dựng, năng lượng tái tạo.

b) Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Tập trung đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số với 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

c) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài, nhất là trong các ngành, lĩnh vực chủ lực của tỉnh.

4. Tầm nhìn đến năm 2050

Tiền Giang trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, có trình độ phát triển khá của cả nước, có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Trở thành nơi đáng sống, các giá trị văn hóa được bảo tồn và phát huy. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Người dân có cuộc sống phồn vinh, văn minh, hạnh phúc.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH QUAN TRỌNG; PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

a) Ngành công nghiệp và xây dựng

Phát triển công nghiệp hiện đại, tập trung, quy mô lớn, thân thiện với môi trường; trở thành ngành kinh tế chủ lực, thế mạnh của tỉnh Tiền Giang, trong đó tập trung phát triển tại 2 khu vực:

- Khu vực công nghiệp Tân Phước (khoảng 10.000 ha), tập trung phát triển công nghiệp tổng hợp đa ngành, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ.

- Khu vực công nghiệp Gò Công (khoảng 5.000 ha) phát triển mạnh các ngành kinh tế biển: logistics, dịch vụ dầu khí, cảng, công nghiệp chế biến - chế tạo, công nghệ cao…

b) Ngành dịch vụ

- Phát triển mạnh du lịch, tạo động lực thúc đẩy phát triển các ngành và lĩnh vực khác; tập trung phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch biển, nông nghiệp nông thôn, văn hóa - thể thao, du lịch kết hợp chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh. Đẩy mạnh liên kết với thành phố Cần Thơ và các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long để hình thành các tuyến du lịch sinh thái, miệt vườn, nghỉ dưỡng trong tỉnh và liên tỉnh.

- Đầu tư hạ tầng thương mại văn minh, hiện đại có tính lan tỏa, thúc đẩy sản xuất lưu thông hàng hóa; đẩy mạnh thương mại điện tử, mở rộng thị trường trong và ngoài nước.

- Tăng cường phát triển logistics nhằm phát huy tối đa vai trò là trung tâm trung chuyển hàng hóa, kho vận giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long với Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đông Nam Bộ; trở thành lĩnh vực chủ lực của tỉnh.

c) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ trong phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản gắn với chuyển đổi cơ cấu sản phẩm chủ lực, tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung (vùng trái cây, lúa, thủy sản) gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng các thương hiệu sản phẩm, mở rộng thị trường. Phát triển nông nghiệp đi đôi với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa.

2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp

Phát triển giáo dục toàn diện, hiện đại, tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và hội nhập quốc tế. Rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập. Phát triển mạng lưới các trường từ mầm non đến trung học phổ thông; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ cho người lao động. Phấn đấu có một số cơ sở trở thành trung tâm giáo dục chất lượng cao của vùng.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, cơ cấu, đạt chuẩn về trình độ, năng lực, phẩm chất, phân bố hợp lý giữa khu vực đô thị và nông thôn.

Xây dựng hệ thống cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục, đào tạo chuẩn hóa, hiện đại, bảo đảm tốt các điều kiện dạy và học, tạo cơ hội học tập thuận lợi cho mọi người dân, góp phần xây dựng xã hội học tập.

b) Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Phát triển hệ thống y tế tỉnh Tiền Giang hiện đại, đồng bộ, chất lượng cao, kết hợp y học hiện đại với y học cổ truyền; phấn đấu đưa 1 số cơ sở trở thành trung tâm y tế quan trọng của vùng. Củng cố, nâng cấp các bệnh viện tuyến huyện, bảo đảm đủ năng lực cung cấp các dịch vụ khám chữa bệnh phục vụ Nhân dân. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và nhân lực cho các trung tâm y tế cấp xã, bảo đảm đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống dịch, kiểm soát dịch bệnh, chăm lo bảo vệ sức khỏe Nhân dân, sẵn sàng ứng phó có hiệu quả với các dịch bệnh trong tương lai. Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển y tế.

c) Khoa học, công nghệ

Phát triển, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của tỉnh. Tạo lập môi trường thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo để khoa học, công nghệ trở thành động lực quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

d) Văn hóa

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, an toàn, tạo điều kiện cho người dân được thụ hưởng các giá trị văn hóa. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa gắn với xây dựng gia đình hạnh phúc, con người mới, đô thị văn minh và nông thôn mới.

Bảo tồn, phát huy các giá trị lịch sử - văn hóa góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của Nhân dân, từng bước xây dựng nền công nghiệp văn hóa. Chăm lo xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

đ) Thể thao

Xây dựng lĩnh vực thể thao phát triển toàn diện, chuyên nghiệp, hiện đại, chất lượng cao, ngang tầm với các tỉnh, thành phố trong khu vực, góp phần nâng cao thể lực, tầm vóc, sức khỏe và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Tạo môi trường thuận lợi cho phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển sâu rộng, rộng khắp, xây dựng con người Tiền Giang phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

e) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

Tạo cơ hội việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân, giảm nghèo bền vững. Tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển lao động, việc làm và bảo đảm an sinh xã hội.

Xây dựng hệ thống an sinh xã hội toàn diện, hiện đại; thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công. Tăng cường công tác trợ giúp và bảo trợ xã hội, bảo vệ trẻ em, tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh để trẻ em phát triển toàn diện; quan tâm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và người già neo đơn.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo trợ xã hội; đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền phòng, chống mại dâm, mua bán người, ma túy; thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp.

g) Thông tin, truyền thông

Phát triển ngành thông tin và truyền thông tỉnh Tiền Giang theo hướng hiện đại, đồng bộ, an toàn, nhằm đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới hoạt động quản lý, điều hành của chính quyền, đáp ứng phương thức làm việc mới trong một môi trường số, kiến tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo vệ môi trường và đảm bảo an ninh, quốc phòng của tỉnh.

h) Công tác quốc phòng, an ninh

Thực hiện có hiệu quả quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân.

Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, chủ động phòng ngừa và đấu tranh, kiên quyết làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình"; phòng ngừa, vô hiệu hóa âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

3. Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Ba vùng kinh tế - xã hội, gồm:

- Vùng trung tâm bao gồm: Thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo, tập trung phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ. Thành phố Mỹ Tho là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế - xã hội, thương mại, dịch vụ, du lịch của tỉnh; là đô thị cửa ngõ giữa vùng Thành phố Hồ Chí Minh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Vùng phía Tây bao gồm: Thị xã Cai Lậy, huyện Cái Bè, huyện Cai Lậy, huyện Tân Phước, là vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tập trung phát triển công nghiệp; cây ăn trái, lúa gạo, thủy sản gắn với công nghiệp chế biến và phát triển đô thị, du lịch sinh thái.

- Vùng phía Đông bao gồm: Thị xã Gò Công, huyện Gò Công Tây, huyện Gò Công Đông, huyện Tân Phú Đông, tổ chức lại không gian ven biển, tập trung phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gồm đô thị, du lịch, logistic và năng lượng để trở thành động lực phát triển của tỉnh.

b) Bốn hành lang kinh tế

Phát triển các hành lang kinh tế theo các trục giao thông quốc gia qua địa bàn tỉnh, cụ thể:

- Hành lang kinh tế theo tuyến cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận: Phát triển các khu công nghiệp, các trung tâm kinh tế, phát triển trung tâm đầu mối về nông nghiệp, dịch vụ, du lịch, logistics của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Hành lang kinh tế dọc theo tuyến quốc lộ 1, tuyến quốc lộ 50B (quy hoạch): Phát triển công nghiệp, dịch vụ logistics, du lịch và đô thị.

- Hành lang kinh tế theo tuyến đường bộ ven biển và tuyến quốc lộ 50: Tập trung phát triển các ngành kinh tế biển gồm: cảng, năng lượng, logistics, du lịch, đô thị.

- Hành lang kinh tế dọc theo sông Tiền kết nối đô thị - công nghiệp với vùng đồng bằng sông Cửu Long, tập trung phát triển đô thị, công nghiệp, thương mại, du lịch.

c) Các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, hạn chế phát triển

- Các khu vực cần bảo tồn, nghiêm cấm vi phạm gồm: di tích lịch sử, văn hóa, vùng lõi khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười.

- Khu vực hạn chế phát triển: Vùng đệm của khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười, các khu vực chịu rủi ro thiên tai như: ven sông, khu vực dễ bị sạt lở.

IV. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ TỔ CHỨC LÃNH THỔ KHU VỰC NÔNG THÔN

1. Về phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

Rà soát, sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24 tháng 12 năm 2018, Kết luận số 48-KL/TW ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 35/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030.

Tên, địa lý và phương án sắp xếp cụ thể các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Phương án phát triển hệ thống đô thị

Phát triển hệ thống đô thị hài hòa, phù hợp với tiềm năng, lợi thế, vị trí địa lý, văn hóa của từng đô thị và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên đất. Mở rộng phạm vi, ranh giới các đô thị hiện hữu chưa đảm bảo tiêu chuẩn diện tích. Phát triển đô thị đa dạng về công năng đáp ứng yêu cầu kinh tế đô thị và bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên.

Phấn đấu đến năm 2030, toàn tỉnh có 25 đô thị, gồm 01 đô thị loại I (thành phố Mỹ Tho), 02 đô thị loại III (thành phố Gò Công và thành phố Cai Lậy), 08 đô thị loại IV (Mỹ Phước, Cái Bè, An Hữu, Chợ Gạo, Tân Hiệp, Vĩnh Bình, Tân Hòa, Vàm Láng), 14 đô thị loại V trong đó có 02 đô thị xây dựng mới là Phú Thạnh và Tân Điền. Huyện Châu Thành đạt một số tiêu chí của thị xã.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

3. Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

Từng bước hình thành các khu dân cư tập trung tại nông thôn. Phát triển nông thôn theo mô hình nông thôn mới gắn với phát triển kết cấu hạ tầng và vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; phù hợp với đặc điểm tự nhiên, văn hóa, phong tục tập quán của từng vùng, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp, nông thôn.

4. Phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn

Thực hiện đầy đủ các chương trình mục tiêu quốc gia. Đẩy mạnh đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội, đặc biệt hạ tầng giao thông, giáo dục, y tế, thông tin truyền thông, tạo cơ hội việc làm và nâng cao mức sống cho người dân.

V. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CHỨC NĂNG

1. Phương án phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Ưu tiên thu hút các nhà đầu tư có năng lực tài chính và kinh nghiệm, sử dụng công nghệ và quản trị hiện đại, thân thiện môi trường vào các ngành chế biến - chế tạo.

- Khi đủ điều kiện tiêu chuẩn và chỉ tiêu sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung, thành lập 05 khu công nghiệp mới (diện tích 1.575 ha), nâng tổng số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh là 11 khu, với tổng diện tích là 3.358,6 ha vào năm 2030.

- Phát triển mới 26 cụm công nghiệp, tổng diện tích 1.375 ha, nâng tổng số cụm công nghiệp toàn tỉnh lên 30 với tổng diện tích khoảng 1.476 ha (bao gồm cả 04 cụm công nghiệp đang hoạt động).

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2. Phương án phát triển khu công nghệ cao

Khi có đủ điều kiện, tiêu chí, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật và chấp thuận của cấp có thẩm quyền, nghiên cứu thành lập Khu công nghệ cao tại vùng công nghiệp phía Đông (nằm trong tổ hợp công nghiệp, dịch vụ, đào tạo và khu dân cư có tổng diện tích 800 ha). Xây dựng trung tâm dữ liệu quy mô lớn và khu công nghệ thông tin tại thành phố Mỹ Tho; khu công nghệ thông tin tại huyện Gò Công Đông.

3. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

- Vùng cây ăn quả tập trung tại các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Châu Thành, Chợ Gạo, thị xã Cai Lậy.

- Vùng sản xuất rau màu tại các huyện Châu Thành, Gò Công Đông, thị xã Gò Công.

- Vùng chuyên canh lúa chất lượng cao tại các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, Gò Công Tây, Gò Công Đông; vùng sản xuất dừa tại các huyện: Chợ Gạo, Châu Thành, Tân Phú Đông và Gò Công Tây.

- Phát triển chăn nuôi tập trung gia súc, gia cầm chủ yếu tại các huyện: Chợ Gạo, Châu Thành, Tân Phước, Gò Công Tây.

- Phát triển lâm nghiệp gắn với đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ phát triển rừng phòng hộ, chủ yếu tại các huyện như: Tân Phước, Gò Công Đông và Tân Phú Đông, góp phần thích ứng biến đổi khí hậu.

- Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt tại các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành và thị xã Cai Lậy. Nuôi trồng thủy sản trên hệ sinh thái mặn - lợ tại các huyện vùng ven biển như: Gò Công Đông, Tân Phú Đông.

- Hình thành trung tâm nông nghiệp công nghệ cao gắn kết với vành đai vườn cây ăn trái, các công viên chuyên đề, rau an toàn theo VietGAP tại thành phố Mỹ Tho, huyện Chợ Gạo, huyện Châu Thành và các khu vực khác có tiềm năng.

4. Phương án phát triển khu du lịch, khu thể thao

a) Khu du lịch

- Phát triển du lịch dựa trên lợi thế chính: Biển, sông Tiền, sinh thái ngập trũng vùng Đồng Tháp Mười, đô thị lịch sử và hạ tầng giao thông thuận lợi.

- 05 tuyến du lịch quan trọng gồm: Tuyến du lịch quốc tế sông Mê Công, du lịch biển, theo tuyến sông Tiền; du lịch sông nước đặc thù và du lịch sinh thái gắn với sinh thái ngập nước của Đồng Tháp Mười.

Đến năm 2030, phát triển 14 khu du lịch gắn với đô thị, 04 khu du lịch gắn với di tích lịch sử - văn hóa và sinh thái ngập nước của vùng Đồng Tháp Mười.

Phát triển các khu du lịch nghỉ dưỡng gắn với cải thiện sinh thái rừng ngập mặn ven biển.

b) Khu thể thao

- Đầu tư xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao cấp tỉnh tại thành phố Mỹ Tho. Đến năm 2030, toàn tỉnh có 13 khu thể thao, phân bố tại thành phố Mỹ Tho, các thị xã và thị trấn.

Tổ chức mạng lưới: Đảm bảo 100% các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông có cơ sở thể thao phục vụ cho hoạt động nâng cao thể chất.

(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo)

5. Phương án phát triển các khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

Bảo tồn, trùng tu, tôn tạo 22 di tích lịch sử cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt đã được xếp hạng và các công trình văn hóa tiêu biểu.

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

6. Khu quốc phòng, an ninh

Xây dựng khu quân sự, khu an ninh bảo đảm thế trận quốc phòng, sẵn sàng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội từng khu vực, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Bố trí đủ đất để xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh thực hiện theo các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết về quốc phòng, an ninh, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Khu phát triển kinh tế biển

Phát triển kinh tế biển trở thành vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khi có đủ điều kiện tiêu chuẩn, theo quy định của pháp luật và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, từng bước mở rộng không gian ven biển gắn với tổ chức lại không gian phát triển kinh tế ven biển.

Phát triển kinh tế biển dựa trên các trụ cột chính: (i) Phát triển công nghiệp, cảng, trung tâm logistics; (ii) Phát triển năng lượng sạch, dự trữ xăng dầu; (iii) Phát triển du lịch biển gồm: đô thị du lịch, du lịch nghỉ dưỡng gắn với cải thiện sinh thái rừng ngập mặn ven biển; (iv) Đánh bắt, nuôi trồng thủy, hải sản.

VI. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải và logistics

a) Đường bộ:

- Cấp quốc gia

Các tuyến quốc lộ, cao tốc: Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, chi tiết tại Phụ lục V.

+ Hình thành các nút giao đấu nối hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông cấp quốc gia với hệ thống kết cấu hạ tầng cấp tỉnh, nhằm tăng cường tính kết nối giao thông liên vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; bố trí lối ra, vào theo từng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Đường tỉnh kết nối vùng: Quy hoạch các tuyến giao thông của Tiền Giang kết nối với tuyến đường bộ ven biển (Long An - Tiền Giang - Bến Tre - Trà Vinh - Sóc Trăng) để tạo sự kết nối đồng bộ, thông suốt và phát huy hiệu quả đầu tư toàn tuyến.

- Cấp tỉnh

+ Nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường tỉnh tối thiểu đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng. Cụ thể, xây mới 15 tuyến đường tỉnh; cải tạo, nâng cấp 17 tuyến đường tỉnh hiện hữu; kéo dài, thay đổi hướng tuyến 15 đường tỉnh; 2 dự án cầu và đường tăng cường kết nối giao thông; xây mới, nâng cấp 3 tuyến đường vành đai.

+ Các tuyến đường tỉnh kết nối từ cao tốc, quốc lộ, đường ven biển với vùng công nghiệp Tân Phước, vùng công nghiệp Gò Công và với hệ thống đô thị ven sông Tiền.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

+ Phát triển hệ thống đường đô thị phù hợp với quy hoạch phát triển không gian, kiến trúc đô thị, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, liên thông với mạng lưới giao thông vận tải của vùng, quốc gia. Phấn đấu tỷ lệ quỹ đất hạ tầng giao thông đường bộ đô thị đạt bình quân từ 16 - 23% so với quỹ đất xây dựng đô thị.

+ Hoàn thiện cơ bản mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn, 100% đường huyện, đường xã đáp ứng cấp kỹ thuật hoặc đảm bảo nhu cầu vận tải khu vực nông thôn.

+ Quy hoạch trung tâm đăng kiểm và cơ sở đào tạo sát hạch lái xe; nâng cấp và xây dựng mới hệ thống bến xe tại các huyện, thị xã, thành phố; bố trí các bãi đỗ xe tập trung kết hợp với các dịch vụ khác phù hợp với chức năng sử dụng đất, đảm bảo phục vụ nhu cầu đỗ xe, thuận lợi và an toàn. Hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ khác phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh và được xác định, cụ thể hóa trong quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành và trong giai đoạn lập dự án.

- Đường giao thông nông thôn: Mở rộng và cứng hóa cơ bản các trục đường giao thông nông thôn trong đó tập trung các tuyến kết nối từ quốc lộ, đường tỉnh đến trung tâm hành chính các xã, phường, thị trấn, đảm bảo tiêu chí giao thông trong xây dựng nông thôn mới.

b) Đường thủy:

- Đường thủy nội địa do trung ương quản lý:

+ Đầu tư phát triển 05 tuyến đường thủy nội địa quốc gia được xác định tại Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Cảng thủy nội địa trên tuyến đường thủy nội địa quốc gia:

Quy hoạch mới cụm cảng Tiền Giang (loại I - III) trên sông Tiền, sông Soài Rạp, sông Vàm Cỏ, Rạch Lá.

- Về hàng hải:

+ Duy tu, nâng cấp, bảo trì 02 luồng hàng hải Soài Rạp và cửa Tiểu đảm bảo phương tiện hoạt động lưu thông, an toàn trên tuyến.

+ Quy hoạch cảng biển Tiền Giang đạt cảng biển loại III bao gồm: (1) Khu bến Gò Công trên sông Soài Rạp đến cửa biển và sông Vàm Cỏ; có bến tổng hợp, container, bến cảng hàng rời, hàng lỏng/khí và bến khách. Cỡ tàu: trọng tải đến

70.000 tấn hoặc lớn hơn phù hợp với điều kiện khai thác của tuyến luồng hàng hải; (2) Khu bến Mỹ Tho trên sông Tiền đến Vàm Kỳ Hôn: có bến tổng hợp, container, hàng rời, hàng lỏng/khí. Cỡ tàu: trọng tải đến 5.000 tấn và bến cảng hành khách cho phương tiện đến 300 khách; (3) Các bến phao, khu neo đậu chuyển tải, tránh, trú bão và các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu thủy thuộc vùng nước cảng biển Tiền Giang tại cửa sông Soài Rạp, huyện Gò Công Đông; cồn Tân Long, thành phố Mỹ Tho và khu vực khác có đủ điều kiện.

- Đường thủy nội địa địa phương:

+ Tuyến đường thủy nội địa địa phương: Nâng cấp các tuyến có lưu lượng phương tiện lớn như: Kênh 28, kênh Nguyễn Văn Tiếp, kênh Nguyễn Tấn Thành. Mở mới 01 tuyến kết nối sông Tiền với sông Vàm Cỏ kết nối với sông Soài Rạp.

+ Cảng, bến thủy nội địa:

Nhóm I: Quy hoạch mới 09 khu bến hàng hóa trên sông Tiền, sông Soài Rạp, sông Vàm Cỏ, kênh Nguyễn Văn Tiếp, kênh Nguyễn Tấn Thành và 08 khu bến hành khách trên sông Tiền, sông Soài Rạp và các cơ sở đóng mới, sửa chữa phương tiện thủy. Duy trì 08 cảng chuyên dùng, di dời cảng cá Mỹ Tho về khu vực sông Tiền huyện Chợ Gạo.

Nhóm II: Quy hoạch 02 bến cảng đường thủy nội địa phục vụ phát triển công nghiệp, gồm: 01 bến cảng nội địa cặp kênh Nguyễn Văn Tiếp tại thị trấn Mỹ Phước phục vụ công nghiệp (khu vực quy hoạch 3 cụm công nghiệp); 01 bến cảng nội địa cặp kênh Nguyễn Tấn Thành tại xã Phước Lập, kết nối đường phát triển vùng Đồng Tháp Mười (ĐT.867B).

Nhóm III: Duy trì, nâng cấp 02 cảng khách trên sông Tiền (cảng du thuyền Mỹ Tho và cảng khách Cái Bè) và 01 cảng khách trên sông Soài Rạp (cảng Tân Thành kết nối huyện Cần Giờ, thành phố Vũng Tàu).

Đối với các bến thủy nội địa đang hoạt động: Vận động các chủ bến cơ bản đủ điều kiện hoạt động thực hiện việc cải tạo, nâng cấp các bến đảm bảo an toàn giao thông. Đồng thời, có kế hoạch thực hiện di dời, dừng khai thác các bến không đủ điều kiện.

(Chi tiết tại Phụ lục VI kèm theo)

c) Đường sắt: Thực hiện theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

d) Về hàng không:

Nghiên cứu phát triển sân bay chuyên dùng tại vị trí phù hợp đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội kết hợp quốc phòng, an ninh, phục vụ cứu hộ, cứu nạn, nhu cầu bay cá nhân, du lịch (tại Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long).

đ) Trung tâm logistics

Xây mới 04 trung tâm logistics gồm: 01 tại huyện Gò Công Đông quy mô khoảng 15 ha; 01 tại huyện Tân Phước quy mô khoảng 20 ha; 01 tại huyện Cái Bè quy mô khoảng 30 ha và 01 tại thành phố Mỹ Tho quy mô từ 10 - 20 ha.

Nghiên cứu phát triển thêm một số trung tâm logistics dọc các tuyến đường bộ và đường thủy quan trọng.

2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

Phát triển mạng lưới cấp điện phải phù hợp với quan điểm, mục tiêu, định hướng, phương án, tiêu chí, luận chứng tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII) và Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII, phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch, đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan, đảm bảo an ninh, cân đối các nguồn, phụ tải, phù hợp hạ tầng lưới điện, hiệu quả về kinh tế.

a) Nguồn phát điện:

- Thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII).

- Triển khai xây dựng các dự án nguồn điện đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Lưới điện cao thế 500 kV

- Xây dựng mới trạm 500 kV Tiền Giang công suất 900 MVA, cấp điện cho khu vực công nghiệp, đô thị phía Đông Bắc.

- Xây dựng mới đường dây 500 kV đấu nối trạm 500 kV Tiền Giang (Tiền Giang - Rẽ Ô Môn - Mỹ Tho), chiều dài 4 x 5 km.

c) Lưới điện cao thế 220 kV

Xây mới 02 trạm 220 kV với tổng công suất 1.000 MVA. Nâng cấp, cải tạo công suất 02 trạm 220 kV với tổng công suất 1.000 MVA. Tổng công suất trạm 220 kV trên địa bàn tỉnh khoảng 2.000 MVA.

d) Lưới điện cao thế 110 kV

Cải tạo nâng cấp các tuyến 110 kV hiện hữu. Xây dựng mới các tuyến 110 kV đấu nối cấp điện cho các trạm 110 kV xây mới, đảm bảo tiêu chí N-1.

đ) Lưới điện trung thế

- Cải tạo và xây dựng mới các nhánh chính, nhánh rẽ trung thế đảm bảo cấp điện cho các khu dân cư.

- Đầu tư xây dựng các lộ ra cho các trạm 110 kV, tăng cường tiết diện và liên kết mạch vòng các tuyến trục trung thế để khai thác hiệu quả các trạm biến áp 110 kV.

- Phát triển lưới điện cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu dân cư, đô thị, các cơ sở kinh tế - xã hội khác trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục VII kèm theo)

3. Phương án phát triển công trình kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng

Phát triển công trình kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng, kho khí thiên nhiên hóa lỏng theo Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Bố trí quỹ đất, nâng cấp mở rộng hệ thống kho xăng dầu, kho LPG hiện hữu và xây mới.

(Chi tiết tại Phụ lục VIII kèm theo)

4. Phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông

Phát triển mạng lưới hạ tầng viễn thông, nâng cao chất lượng mạng di động băng tần rộng phủ sóng 100% dân số, kết hợp đầu tư, nâng cấp các công trình hạ tầng ngầm, ngầm hóa hạ tầng ngoại vi.

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, mạng kết nối vạn vật (IoT) liên thông, đồng bộ, hiện đại nhằm phục vụ chuyển đổi số toàn diện, phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số; xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu theo công nghệ điện toán đám mây, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung, tạo nền tảng cho phát triển chính quyền điện tử đồng bộ theo khung kiến trúc Chính phủ điện tử quốc gia.

Phát triển bưu chính theo hướng dịch vụ số; khai thác và ứng dụng hiệu quả nền tảng mã địa chỉ gắn với bản đồ số (Vpostcode). Phát triển ngành báo chí, truyền thông theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại. Hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích phục vụ phát triển bền vững trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ. Phát triển các đại lý, bưu cục tại các khu công nghiệp, khu du lịch, khu vực đông dân cư.

Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp công nghệ số có sức cạnh tranh, đầu tư công viên phần mềm. Triển khai đô thị thông minh tại thành phố Mỹ Tho, một số thị xã, thị trấn và các khu đô thị.

5. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

a) Phương án phát triển hệ thống thủy lợi

Mạng lưới thủy lợi được phân thành 4 vùng, đảm bảo điều tiết đầu kênh cấp 2 chủ động lấy, trữ hoặc tháo nước theo yêu cầu sản xuất và sinh hoạt, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ngăn mặn, ngăn triều cường, cấp ngọt, trữ ngọt.

- Vùng phía Tây: Gồm thị xã Cai Lậy, các huyện: Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, một phần huyện Châu Thành và thành phố Mỹ Tho, phía Tây quốc lộ 1.

- Vùng Bảo Định: Gồm phần lớn diện tích thành phố Mỹ Tho và một phần huyện Châu Thành và huyện Chợ Gạo.

- Vùng ngọt hóa Gò Công: Gồm một phần diện tích huyện Chợ Gạo, toàn bộ diện tích huyện Gò Công Tây, huyện Gò Công Đông và thị xã Gò Công.

- Các cù lao trên sông Tiền, sông Cửa Tiểu và Cửa Đại.

- Đê biển: Nâng cấp đê biển tại huyện Gò Công Đông; xây mới tuyến đê biển tại huyện Tân Phú Đông và các cống dưới đê.

- Đê cửa sông và đê sông: Xây mới đê sông và các cống dưới đê tại huyện Tân Phú Đông; nâng cấp đê cửa sông tại huyện Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông và đê sông tại các huyện: Chợ Gạo, Gò Công Đông, Gò Công Tây và thị xã Gò Công.

Nâng cấp các trạm bơm điện tại các huyện phục vụ sản xuất nông nghiệp.

(Chi tiết tại Phụ lục IX kèm theo)

b) Phương án phát triển mạng lưới cấp nước

Phân vùng cấp nước và công trình đầu mối cấp nước:

- Vùng trung tâm gồm: Thành phố Mỹ Tho, huyện Châu Thành, huyện Chợ Gạo và khu đô thị, khu công nghiệp thuộc huyện Tân Phước; nước cấp cho khu vực này được lấy từ nhà máy nước Đồng Tâm, Bình Đức, nhà máy nước Mỹ Tho, nhà máy nước thô Đồng Tâm và một số nhà máy nước nhỏ hiện hữu tại khu vực.

- Vùng ven biển phía Đông gồm: thị xã Gò Công, huyện Gò Công Tây, huyện Gò Công Đông; nước cấp cho khu vực này và các khu, cụm công nghiệp thuộc khu vực phía Đông của tỉnh được cấp từ nhà máy nước sạch Đồng Tâm, nhà máy nước Bình Đức và một số nhà máy nước nhỏ hiện hữu tại khu vực.

- Vùng phía Tây gồm: thị xã Cai Lậy, thị trấn Mỹ Phước (huyện Tân Phước), thị trấn Cái Bè, đô thị An Hữu (huyện Cái Bè), thị trấn Bình Phú (huyện Cai Lậy).

+ Khu vực phía Bắc đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận: Từng bước đóng cửa các nhà máy sử dụng nước dưới đất; xây dựng nhà máy nước thô Đồng Tâm (giai đoạn 1) với công suất từ 200.000 - 300.000 m^3/ngày đêm. Xây dựng mới nhà máy nước ở huyện Tân Phước để xử lý nước từ nguồn nước thô của nhà máy nước Đồng Tâm, phục vụ cấp nước cho các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư thuộc khu vực phía Tây của tỉnh.

+ Khu vực phía Nam tuyến cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận: Nâng cấp mở rộng các nhà máy nước: Hội Xuân, Cái Bè, Hòa Hưng, Tam Bình để phục vụ cấp nước cho các khu, cụm công nghiệp, khu dân cư thuộc khu vực phía Tây của tỉnh.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống cấp nước tập trung quy mô liên xã đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất của các vùng nông thôn. Từng bước xây mới và nâng cấp các nhà máy nước để cung cấp nước sạch cho toàn tỉnh vào năm 2030.

- Phát triển mạng lưới đường ống truyền tải chính, đường ống truyền tải khu vực (cấp 1) phù hợp với định hướng phát triển các nhà máy nước.

(Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo)

c) Phương án phát triển hệ thống thoát nước mặt

- Những lưu vực chính thoát nước mặt gồm: Sông Tiền, Vàm Cỏ, Bảo Định, rạch Kỳ Hôn, Vàm Giồng, kênh Chợ Gạo, kênh Nguyễn Văn Tiếp.

- Đối với các đô thị nhỏ, cụm dân cư nông thôn: Xây dựng hệ thống thoát nước, thu gom nước thải để xử lý trước khi xả ra môi trường.

d) Phương án phát triển hệ thống xử lý nước thải

Nước thải đô thị và nông thôn phải được thu gom, xử lý theo lộ trình đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi xả ra môi trường. Đối với các khu đô thị mới phải bảo đảm thu gom, xử lý 100% nước thải sinh hoạt trước khi xả ra môi trường.

Xây dựng mới 11 nhà máy xử lý nước thải tại các khu vực đô thị của thành phố, thị xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XI kèm theo)

6. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải rắn

a) Khu xử lý chất thải

Xây dựng 02 khu xử lý chất thải rắn tập trung tại phía Đông và phía Tây của tỉnh, gồm: (1) Khu xử lý chất thải rắn tại khu vực phía Tây của tỉnh tại bãi rác Tân Lập 1, huyện Tân Phước; (2) Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại xã Bình Tân, huyện Gò Công Tây. Nghiên cứu, đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn khu vực phía Đông tại huyện Gò Công Đông.

Xây dựng các trạm trung chuyển chất thải rắn tại tất cả các khu đô thị có khoảng cách đến khu xử lý chất thải rắn trên 20 km; bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn cỡ nhỏ tại các khu đô thị có bán kính phục vụ tối đa 10 km.

Chất thải được phân loại tại nguồn. Công nghệ xử lý bao gồm tái sử dụng - tận thu, ủ phân, thiêu đốt chất thải không tái chế được (đốt rác phát điện), chôn lấp.

Chất thải rắn công nghiệp nguy hại, chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý; chất thải y tế được thu gom và xử lý theo quy định.

(Chi tiết tại Phụ lục XII kèm theo)

b) Khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng

Rà soát, di dời, đóng cửa các nghĩa trang trong khu vực đô thị không đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định. Xây mới 3 nhà hỏa táng trong khuôn viên 3 nghĩa trang cấp tỉnh tại thị xã Gò Công, huyện Châu Thành, huyện Cai Lậy và xây dựng các nghĩa trang cấp huyện theo quy chuẩn xây dựng đã ban hành.

7. Phương án phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại trung tâm các huyện, thành phố, thị xã, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm nguy hiểm về cháy nổ, bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc, phù hợp với Quy hoạch ngành quốc gia về hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và đáp ứng các quy định hiện hành. Mỗi huyện có một đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ của công an cấp huyện; mỗi khu vực (vùng huyện) có một đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực, đáp ứng yêu cầu về lực lượng, cơ sở vật chất, phương tiện, doanh trại.

VII. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe

Tập trung đầu tư trang thiết bị, xây dựng mạng lưới y tế tỉnh đồng bộ, hiện đại từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở, nâng cao năng lực khám, chữa bệnh cho tuyến y tế cơ sở và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Phát triển cơ sở y tế của thành phố Mỹ Tho trở thành một trong những trung tâm y tế cấp vùng.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống y tế dự phòng và kiểm soát bệnh tật. Phát triển nguồn nhân lực y tế, đào tạo đội ngũ bác sĩ, dược sĩ đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân trong tỉnh, vùng.

- Xây mới các cơ sở: Bệnh viện Mắt Tiền Giang; Trung tâm Pháp Y; Trung tâm Giám định Y khoa; Trung tâm Y tế thành phố Mỹ Tho; Trung tâm dưỡng lão các huyện: Cai Lậy, Tân Phước, Gò Công Đông.

- Nâng cấp, mở rộng các bệnh viện: Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang thành bệnh viện cấp vùng, Bệnh viện Lao và bệnh phổi, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Y học cổ truyền, Bệnh viện Đa khoa Khu vực

Cai Lậy, Bệnh viện Đa khoa Khu vực Gò Công; hạ tầng kỹ thuật xung quanh Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang; nâng cấp mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh, trong đó có Trung tâm Chấn thương chỉnh hình - khoa phục hồi chức năng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh; nâng cấp mở rộng các trung tâm y tế, phòng khám đa khoa các huyện, thành phố, thị xã.

- Tiếp tục duy trì hệ thống cơ sở khám chữa bệnh của ngành: Bệnh xá của Công an tỉnh Tiền Giang, Bệnh viện Quân y 120.

- Khuyến khích đầu tư phát triển cơ sở y tế ngoài công lập, cơ sở y tế đạt chuẩn quốc tế và cơ sở y tế kết hợp du lịch với chăm sóc sức khỏe.

(Chi tiết tại Phụ lục XIII kèm theo)

2. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo

Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở giáo dục các cấp theo hướng hiện đại, đạt chuẩn; đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và bảo đảm khả năng tiếp cận giáo dục cho người học.

Xây dựng đội ngũ giáo viên, giảng viên các cấp đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu dạy và học.

- Xây dựng mới 02 trường trung học phổ thông: Trường Trần Hưng Đạo và Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho.

- Đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng 19 trường trung học phổ thông; đầu tư trang thiết bị phục vụ chương trình giáo dục phổ thông.

Tổ chức lại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, đa ngành, đa nghề, chuẩn hóa, hiện đại và hội nhập quốc tế.

- Thành lập mới Khoa Y thuộc Trường Đại học Tiền Giang.

- Nâng cấp Trường Đại học Tiền Giang và trung tâm giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã, thành phố.

Khuyến khích xã hội hóa phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập; tập trung đẩy nhanh phát triển hệ thống trường học mầm non, phổ thông tư thục ở địa bàn các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và khu đô thị mới.

(Chi tiết tại Phụ lục XIV kèm theo)

3. Phương án phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh. Hình thành các cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đẩy mạnh xã hội hóa phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Xây dựng mới 02 trường cao đẳng hoặc đại học tại các khu công nghiệp Tân Phước và Gò Công.

Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất cho 4 trường: Trường Cao đẳng Tiền Giang, Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ Cái Bè, Trường Trung cấp Cai Lậy, Trường Trung cấp Gò Công và tiếp tục đầu tư, nâng cấp cho các trường, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện.

(Chi tiết tại Phụ lục XV kèm theo)

4. Phương án phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa, thể thao

Chú trọng bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị của các di tích lịch sử - văn hóa. Chăm lo xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa và địa bàn tập trung nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Tổ chức các hoạt động văn hóa, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng các giá trị văn hóa của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh. Tăng cường liên kết với ngành du lịch trong phát triển dịch vụ văn hóa.

Xây dựng mới Trung tâm văn hóa cấp tỉnh tại thành phố Mỹ Tho, nâng cấp các trung tâm văn hóa cấp huyện, cấp xã theo tiêu chí xã, huyện nông thôn mới. Bảo tồn, phát huy các giá trị một số công trình, di tích lịch sử tiêu biểu tại thành phố Mỹ Tho và thị xã Gò Công phục vụ phát triển du lịch - văn hóa.

Tiếp tục thực hiện đề án xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao cấp huyện, trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng cấp xã.

Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới 36 công trình thể thao cấp tỉnh, huyện đáp ứng hoạt động chuyên môn.

Mở rộng không gian các trung tâm thể thao gắn với phát triển các ngành kinh tế. Phát triển sân gôn phục vụ thể thao và du lịch tại các khu du lịch giải trí, nghỉ dưỡng, đảm bảo khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai, cải thiện sinh kế và môi trường sống.

Xã hội hóa đầu tư vào các dự án thể thao; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng. Ưu tiên thu hút đầu tư khu sự kiện - triển lãm văn hóa, thể thao, du lịch.

(Chi tiết tại Phụ lục XVI kèm theo)

5. Phương án phát triển trung tâm dịch vụ, thương mại, triển lãm

- Tập trung phát triển hạ tầng thương mại, siêu thị hiện đại, đa năng gắn với dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng nhằm khai thác hiệu quả các vùng kinh tế và các hành lang kinh tế; đẩy mạnh phát triển sàn thương mại điện tử, trung tâm mua sắm, chuỗi cửa hàng tiện ích, cửa hàng kinh doanh tổng hợp; phát triển thương mại đường phố và kinh tế ban đêm.

- Đầu tư, xây dựng trung tâm đầu mối cấp vùng, tại huyện Tân Phước; xây dựng 3 chợ đầu mối gồm: 01 chợ nông sản tại huyện Gò Công Tây; 01 chợ đầu mối rau quả ở thành phố Mỹ Tho và 01 chợ thủy sản tại huyện Gò Công Đông.

- Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp các chợ đầu mối, chợ truyền thống, đáp ứng các yêu cầu cung ứng hàng hóa. Khuyến khích thu hút đầu tư để phát triển trung tâm thương mại và logistics.

- Siêu thị và trung tâm thương mại: Xây dựng mới 27 siêu thị, nâng tổng số siêu thị trên địa bàn tỉnh là 39 siêu thị. Xây dựng mới 21 trung tâm thương mại, nâng tổng số trung tâm trên địa bàn tỉnh là 22 trung tâm.

(Chi tiết tại Phụ lục XVII kèm theo)

Nâng cấp, cải tạo 05 chợ hạng I hiện có tại thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy, huyện Chợ Gạo.

6. Phương án phát triển cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng; cơ sở trợ giúp xã hội

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách và đẩy mạnh xã hội hóa nguồn lực để chăm lo cho người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội. Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Công tác xã hội tỉnh.

Thành lập mới 01 Trung tâm nuôi dưỡng người có công và người cao tuổi ở huyện Cái Bè. Thành lập mới 02 cơ sở bảo trợ xã hội ở khu vực Gò Công và khu vực Cai Lậy. Cải tạo, nâng cấp cơ sở bảo trợ xã hội công lập phù hợp với yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đầu tư, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy. Phát triển các điểm cung cấp dịch vụ điều trị, cắt cơn nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp củng cố, nâng cấp các cơ sở trợ giúp xã hội để phát triển công tác trợ giúp xã hội, nâng cao mức sống vật chất, tinh thần của đối tượng được hưởng trợ giúp.

(Chi tiết tại Phụ lục XVIII kèm theo)

7. Phương án phát triển mạng lưới tổ chức khoa học, công nghệ

Tập trung đầu tư, hình thành, phát triển mạng lưới khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh. Rà soát, sắp xếp, kiện toàn các tổ chức khoa học, công nghệ theo hướng tăng quy mô, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động.

Đến năm 2030, toàn tỉnh có ba khu nghiên cứu, đào tạo gồm:

Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh; Trung tâm Kỹ thuật và Công nghệ sinh học tại thành phố Mỹ Tho và Khu thực nghiệm Công nghệ sinh học tỉnh tại huyện Châu Thành.

VIII. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG LIÊN HUYỆN, VÙNG HUYỆN

1. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện

Tỉnh có 3 vùng liên huyện, gồm:

- Vùng trung tâm (huyện Châu Thành - huyện Chợ Gạo), tập trung phát triển kinh tế đô thị, thương mại dịch vụ cao cấp, đô thị chất lượng cao, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái ven sông Tiền.

- Vùng phía Tây (huyện Cái Bè - huyện Cai Lậy - huyện Tân Phước) phát triển đô thị, công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và trung tâm đầu mối của vùng, du lịch.

- Vùng phía Đông (huyện Gò Công Tây - huyện Gò Công Đông - huyện Tân Phú Đông), tập trung phát triển kinh tế biển, phát triển đô thị, du lịch sinh thái quy mô lớn, dịch vụ hàng hải, năng lượng tái tạo, thủy sản.

Căn cứ sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được cấp có thẩm quyền quyết định, nghiên cứu triển khai lập các quy hoạch xây dựng vùng liên huyện bảo

đảm phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và theo quy định. Phạm vi ranh giới cụ thể của vùng liên huyện sẽ được xác định trong quá trình lập quy hoạch xây dựng vùng liên huyện theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Phương án quy hoạch xây dựng các vùng huyện

- Vùng huyện Tân Phước: Phát triển vùng động lực công nghiệp - sinh thái - đô thị, nông nghiệp công nghệ cao và trung tâm đầu mối của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- Vùng huyện Gò Công Đông: Phát triển kinh tế biển, đô thị sinh thái, năng lượng tái tạo. Đến năm 2030, trở thành vùng công nghiệp, cảng biển, trung tâm logistics dọc sông Soài Rạp.

- Vùng huyện Cái Bè: Phát triển đô thị sinh thái tập trung, chuyên canh cây ăn trái có giá trị kinh tế cao và chợ đầu mối trái cây lớn của tỉnh.

- Vùng huyện Cai Lậy: Phát triển đô thị sinh thái ven sông Tiền, vùng lúa tập trung, cây ăn quả chất lượng cao, nuôi trồng thủy sản, du lịch nghỉ dưỡng.

- Vùng huyện Châu Thành: Phát triển kinh tế đô thị, thương mại, logistics, du lịch sinh thái nghỉ dưỡng miệt vườn ven sông Tiền, cây ăn trái, rau an toàn.

- Vùng huyện Chợ Gạo: Phát triển kinh tế đô thị, thương mại dịch vụ cao cấp, đô thị chất lượng cao, du lịch nghỉ dưỡng sinh thái ven sông Tiền.

- Vùng huyện Gò Công Tây: Đến năm 2030 trở thành vùng công nghiệp của tỉnh, phát triển đô thị sinh thái, du lịch kết hợp nông nghiệp.

- Vùng huyện Tân Phú Đông: Phát triển đô thị du lịch sinh thái quy mô lớn, thương mại dịch vụ hiện đại, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo, thủy sản công nghệ cao.

IX. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỔ VÀ KHOANH VÙNG ĐẤT ĐAI

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, hợp lý, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc triển khai các dự án sau khi quy hoạch này được phê duyệt phải đảm bảo chỉ tiêu sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia (2021 - 2025) đã được phân bổ cho tỉnh Tiền Giang theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền theo quy định.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang có trách nhiệm xây dựng kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện phù hợp với phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất trong quy hoạch tỉnh để làm căn cứ thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật Đất đai.

(Chi tiết tại Phụ lục XIX kèm theo)

X. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Về phân vùng môi trường

- Vùng bảo vệ nghiêm ngặt: Khu dân cư tập trung tại các đô thị, vùng nội thành, nội thị của đô thị, nguồn nước mặt cung cấp nước cho các nhà máy nước theo quy định pháp luật về tài nguyên nước, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, các khu di tích lịch sử, văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản.

- Vùng hạn chế phát thải: Vùng đệm, hành lang đa dạng sinh học của khu bảo vệ nghiêm ngặt, rừng sản xuất, hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho cấp nước sinh hoạt theo quy định của Luật Tài nguyên nước, vùng nội thành, nội thị của đô thị loại IV, V trở lên; khu vực vui chơi giải trí, các khu vực có yếu tố nhạy cảm, dễ bị tổn thương.

- Các vùng bảo vệ môi trường khác là vùng còn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Về bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học

Bảo tồn các hệ sinh thái tự nhiên, các loài động vật hoang dã, các giống cây trồng, vật nuôi nguy cấp, quý, hiếm. Kiểm soát và giảm thiểu các mối đe dọa đến đa dạng sinh học, nâng cao độ che phủ rừng, phòng ngừa, ngăn chặn sự xâm hại

đến rừng và khai thác trái phép. Duy trì và phát huy hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển với diện tích 2.065 ha có giá trị phòng hộ và dự trữ sinh quyển. Phục hồi, bảo tồn khu sinh thái Đồng Tháp Mười và phát triển du lịch, với quy mô là 351 ha (hiện trạng là 107 ha, mở rộng vùng đệm là 244 ha).

(Chi tiết tại Phụ lục XX kèm theo)

c) Về quan trắc chất lượng môi trường

Phát triển cơ sở hạ tầng, bố trí các địa điểm quan trắc cho từng loại môi trường; xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động, quan trắc môi trường nước, môi trường không khí, quan trắc định kỳ môi trường trầm tích.

d) Về phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp.

Tổng diện tích đất rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2030 đạt 4.017 ha.

Trồng khôi phục rừng phòng hộ phía ngoài đê biển trên địa bàn huyện Gò Công Đông và trồng rừng phòng hộ huyện Tân Phú Đông. Thực hiện quản lý rừng bền vững, chặt chẽ; nâng cao năng lực, đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý bảo vệ rừng; phòng cháy, chữa cháy rừng.

2. Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên

- Khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, bảo đảm nhu cầu hiện tại, có tính đến nhu cầu trong tương lai, không làm ảnh hưởng đến môi trường, đảm bảo quốc phòng an ninh.

- Phương án bảo vệ thăm dò, khai thác cát và khoáng sản làm vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch thăm dò, khai thác, chế biến vật liệu xây dựng giai đoạn 2021 - 2030 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Khoanh định các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản:

+ Tiếp tục xem xét, cấp phép khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản cát sông, gồm 18 mỏ đã cấp; 13 mỏ cấp mới và 02 mỏ sét gạch ngói đã cấp.

(Chi tiết theo Phụ lục XXI kèm theo)

+ Lập kế hoạch và thực hiện điều tra, quy hoạch, khoanh định khu vực thăm dò, khai thác nguồn cát mặn (cát biển) có thể khai thác cho san lấp.

- Khoanh định các khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quyết định được phê duyệt và quy định của pháp luật.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

a) Phân vùng tài nguyên nước: gồm 4 vùng sau đây:

- Vùng phía Tây: Gồm thị xã Cai Lậy, các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, một phần huyện Châu Thành và thành phố Mỹ Tho phía Tây quốc lộ 1.

- Vùng dự án Bảo Định: Phía Đông quốc lộ 1 - quốc lộ 60 đến kênh Chợ Gạo - rạch Kỳ Hôn, phần lớn diện tích thành phố Mỹ Tho và một phần huyện Châu Thành và huyện Chợ Gạo.

- Vùng dự án Gò Công: Từ phía Đông kênh Chợ Gạo - rạch Kỳ Hôn đến đê biển Đông, một phần diện tích huyện Chợ Gạo, toàn bộ huyện Gò Công Tây, huyện Gò Công Đông và thị xã Gò Công.

- Vùng các cù lao: Là các cù lao trên sông Tiền, sông Cửa Tiểu và Cửa Đại, bao gồm huyện Tân Phú Đông, một phần diện tích huyện Cai Lậy, một phần nhỏ diện tích thành phố Mỹ Tho.

b) Phân bổ tài nguyên nước

- Trong điều kiện bình thường: Nguồn nước đủ đáp ứng việc phân bổ đảm bảo 100% nhu cầu dùng nước; ưu tiên cấp nước cho sinh hoạt, an sinh xã hội, các ngành sản xuất có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Trong trường hợp hạn hán, thiếu nước: Tỷ lệ phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước là sinh hoạt 100%, công nghiệp 90%, du lịch - dịch vụ 85%, nông nghiệp 80%, thủy sản 75%.

c) Bảo vệ tài nguyên nước

Hạn chế tối đa khai thác nước dưới đất, phòng ngừa suy thoái, cạn kiệt nguồn nước dưới đất; xây dựng mạng lưới quan trắc, giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, đặc biệt khu vực có nguy cơ cạn kiệt nguồn nước; xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định.

d) Nguồn nước dự phòng cấp nước sinh hoạt

- Trong điều kiện hạn hán thiếu nước: Sử dụng nguồn dự phòng là nguồn nước dưới đất, đảm bảo đáp ứng ít nhất 10% tổng nhu cầu nước sinh hoạt.

- Tại những nơi có nguồn nước ngọt từ sông, kênh chính đưa về, sẽ xây dựng các hồ chứa, trạm lấy nước mặt.

- Đầu tư mới 2 cống trên hai đầu sông Cửa Trung để chứa nước ngọt và mở rộng, nâng cấp ao nước diện tích 6 ha thành hồ nước diện tích 20 ha tại xã Tân Thới phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho toàn huyện Tân Phú Đông.

đ) Hệ thống giám sát tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước; công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước

- Nâng cấp và hoàn thiện mạng lưới quan trắc tài nguyên nước.

- Xây dựng công trình điều tiết khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước đảm bảo phù hợp với phân vùng chức năng nguồn nước. Hệ thống kênh trục của tỉnh được bố trí theo cấp I, II và III liên huyện và liên tỉnh.

e) Giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động phòng, chống, khắc phục, cảnh báo, dự báo và giảm thiểu tác hại do nước gây ra.

- Bảo đảm các hoạt động đầu tư xây dựng đô thị, khu dân cư, công trình giao thông, các hoạt động sản xuất ven sông không được gây cản trở dòng chảy, không gây ngập úng nhân tạo, đảm bảo khả năng tiêu thoát nước.

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác cát và các hoạt động sản xuất khác có tác động đến gia tăng sạt lở lòng, bờ bãi sông.

- Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, gắn với cơ sở dữ liệu về môi trường, đất đai và các ngành liên quan khác.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu:

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn tỉnh và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai

- Khu vực nguy cơ ảnh hưởng cao bởi triều cường, bão, áp thấp nhiệt đới, gồm: các xã ven biển, cửa sông thuộc các huyện Gò Công Đông, huyện Gò Công Tây, thị xã Gò Công, Tân Phú Đông; các xã nằm dọc các kênh trục, kênh cấp I.

- Lũ từ thượng nguồn qua sông Tiền: Khu vực nguy cơ ảnh hưởng, bị ngập lụt tại các huyện Cái Bè, huyện Tân Phước, huyện Cai Lậy, thị xã Cai Lậy, huyện Châu Thành (phần phía Tây quốc lộ 1), chiếm 51,15% diện tích tự nhiên toàn tỉnh.

- Khu vực nguy cơ ảnh hưởng bởi hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước, lốc, sét gần như rải rác trên địa bàn tỉnh.

- Các đô thị lớn: Ảnh hưởng do mưa lớn, lũ, triều cường, bão, lốc.

- Sạt lở, sụt lún đất tại hầu hết các huyện phía Tây và ven biển.

- Giông, lốc, sét, tại các huyện, thị, thành; cháy rừng tại các huyện: Tân Phước, Tân Phú Đông, Gò Công Đông.

- Trên biển: Ảnh hưởng bởi áp thấp nhiệt đới, bão, gió mạnh, nước dâng.

b) Phương án quản lý rủi ro thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

- Dự báo, cảnh báo, thiết lập hệ thống giám sát thiên tai, biến đổi khí hậu kịp thời, hiệu quả, bảo đảm năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của cơ sở hạ tầng kinh tế, xã hội và cộng đồng.

- Chủ động ứng phó có hiệu quả với các tác động bất lợi của hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, ngập, sụt lún, sạt lở bờ sông, kết hợp hài hoà giữa giải pháp công trình và giải pháp phi công trình.

- Tăng cường thu hút đầu tư tư nhân vào các dự án đa mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu, kết hợp với nông nghiệp, du lịch….

XI. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, đề xuất đưa vào quy hoạch các dự án có tính chất quan trọng, để tập trung đầu tư, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội, có danh mục các dự án xếp thứ tự ưu tiên đầu tư và thu hút đầu tư. Quy mô, tổng vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư và nguồn vốn của các dự án sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư phù hợp với nhu cầu và khả năng cân đối, huy động nguồn lực của trung ương, địa phương.

Các dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất quốc gia, Quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long, Quy hoạch ngành quốc gia, sẽ được triển khai thực hiện theo các nghị quyết, quyết định phê duyệt các quy hoạch trên.

(Chi tiết tại Phụ lục XXII kèm theo)

XII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

a) Tập trung huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước, bố trí nguồn vốn đầu tư ưu tiên cho hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội quan trọng nhằm dẫn dắt, thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế khác, tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững các vùng động lực tăng trưởng của tỉnh.

b) Tăng cường hợp tác công - tư (PPP) trên cơ sở cải thiện môi trường đầu tư, cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), có chính sách đột phá để phát triển hạ tầng chiến lược, tập trung phát triển khu vực kinh tế tư nhân đặc biệt là doanh nghiệp quy mô lớn và doanh nghiệp FDI trên cơ sở huy động tối đa các nguồn lực để phục vụ nhu cầu đầu tư, phát triển của tỉnh Tiền Giang, cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy liên kết ngân hàng - doanh nghiệp… giúp các nhà đầu tư nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

c) Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng nhằm thu hút đầu tư, thực hiện đột phá trong phát triển kinh tế.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

a) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng hội nhập của nền kinh tế.

b) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cán bộ chủ chốt các cấp, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về công tác đào tạo, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ trong hệ thống chính trị của tỉnh và thu hút nguồn nhân lực.

c) Có chính sách để thu hút các cán bộ khoa học, cán bộ quản lý, tâm huyết và gắn bó lâu dài với sự nghiệp phát triển doanh nghiệp của tỉnh.

d) Tăng cường mối liên kết giữa các viện, các trường đại học, các trung tâm đào tạo có uy tín, tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành để tổ chức các chương trình đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ chuyên trách của tỉnh.

3. Giải pháp về môi trường

Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền và bảo vệ môi trường. Áp dụng tiêu chuẩn của các nước phát triển về quản lý môi trường; phát triển, ứng dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, sản xuất sạch, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên đối với tất cả các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Tích cực hợp tác với các địa phương lân cận và tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường. Chú trọng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về môi trường.

4. Giải pháp về khoa học, công nghệ

a) Đẩy mạnh ứng dụng những thành tựu của khoa học, công nghệ. Đầu tư cơ sở vật chất, thúc đẩy nghiên cứu, triển khai và hội nhập thị trường khoa học, công nghệ trong nước và quốc tế. Bảo đảm chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ít nhất 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

b) Thu hút đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, hướng tới mục tiêu tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu và chuyển lên các khâu tạo ra giá trị gia tăng cao hơn; tăng cường liên kết, hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp trong nghiên cứu, triển khai, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

5. Giải pháp về chuyển đổi số

a) Tập trung phát triển hạ tầng số, nền tảng số là nhiệm vụ hàng đầu, là giải pháp đột phá thúc đẩy sự phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Triển khai xây dựng dữ liệu có chiến lược cụ thể, phù hợp với chiến lược dữ liệu quốc gia. Xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn tỉnh.

b) Ưu tiên cho phát triển các ứng dụng số hóa trong hoạt động của chính quyền để đẩy nhanh tiến trình xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số ở các địa phương.

c) Nghiên cứu xây dựng chính sách phù hợp để thúc đẩy thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp theo hướng chuyển sang hoạt động trong môi trường số; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hình thành cộng đồng doanh nghiệp số.

d) Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp và các thành phần kinh tế triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến. Xây dựng thị trường thương mại điện tử có tính tương tác cao, lành mạnh, cạnh tranh và phát triển bền vững.

6. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

Tập trung nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách trên các lĩnh vực để thu hút các nguồn lực cho phát triển; tạo cơ chế đặc thù trong thu hút đầu tư đối với các vùng là động lực. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận

thông tin, thâm nhập và mở rộng thị trường. Tăng cường hợp tác với Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Cửu Long; mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế. Chủ động tìm kiếm, kết nối và duy trì hợp tác chặt chẽ với các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và tham dự các diễn đàn quốc tế, khu vực.

7. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

a) Nâng cao năng lực của bộ máy chính quyền các cấp đáp ứng yêu cầu quản lý đô thị và nông thôn nhằm đảm bảo sự phát triển hiện đại, văn minh và thân thiện môi trường.

b) Xây dựng và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển các đô thị hiện đại, thông minh.

c) Quản lý chặt chẽ, xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; xây dựng và phát triển các đô thị thông minh; xây dựng nông thôn mới phù hợp với định hướng đô thị hóa.

8. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện Quy hoạch

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện.

b) Thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung và xây dựng mới quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch, đảm bảo đồng bộ.

c) Triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện, thường xuyên cập nhật, cụ thể hoá các nội dung quy hoạch thành các kế hoạch 5 năm, hằng năm. Các cấp, các ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, kế hoạch phát triển bảo đảm phù hợp với quy hoạch được duyệt. Trong quá trình triển khai, thường xuyên giám sát, định kỳ đánh giá kết quả thực hiện.

d) Công tác tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch cần được đổi mới phù hợp đáp ứng yêu cầu của thực tiễn và thông lệ quốc tế. Bố trí bộ máy lãnh đạo tâm huyết, cán bộ đủ năng lực đáp ứng được yêu cầu với cơ chế quản lý hiệu lực, hiệu quả để triển khai thực hiện thành công Quy hoạch tỉnh.

XIII. HỆ THỐNG SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH

Chi tiết danh mục sơ đồ, bản đồ Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nêu tại Phụ lục đính kèm Quyết định phê duyệt Quy hoạch tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục XXIII kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phê duyệt tại Quyết định này là căn cứ để lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang:

a) Tổ chức công bố, công khai Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện về quản lý quy hoạch; hướng dẫn, phân công, phân cấp, điều phối, kiểm soát, bảo đảm thực hiện đầy đủ các nguyên tắc, quy trình, quy định trong quá trình quản lý và thực hiện Quy hoạch; nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong quản lý và thực hiện quy hoạch.

c) Xây dựng, trình ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh; tổ chức thực hiện quy hoạch gắn với chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; định kỳ tổ chức đánh giá thực hiện quy hoạch, rà soát điều chỉnh quy hoạch theo quy định của pháp luật.

d) Nghiên cứu xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh và quy định của pháp luật để huy động các nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức rà soát Quy hoạch tỉnh sau khi các quy hoạch, kế hoạch cấp quốc gia, quy hoạch, kế hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long được quyết định hoặc phê

duyệt và thực hiện điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong trường hợp có mâu thuẫn theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

g) Đối với các dự án được phân kỳ đầu tư sau năm 2030, trường hợp có nhu cầu đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và huy động được nguồn lực thì báo cáo cấp có thẩm quyền chấp thuận cho đầu tư sớm hơn.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, cơ sở dữ liệu, các Phụ lục kèm theo Quyết định này; các ý kiến tiếp thu, giải trình, bảo lưu đối với ý kiến rà soát, góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, cá nhân có liên quan; danh mục dự án dự kiến ưu tiên thực hiện trong thời kỳ quy hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan và hệ thống bản đồ trong hồ sơ Quy hoạch tỉnh theo đúng quy định của Luật Quy hoạch năm 2017, các quy định của pháp luật liên quan; bảo đảm phù hợp, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch có liên quan. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các cam kết tại Tờ trình số 515/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2023 và văn bản số 8524/UBND-TH ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

4. Việc chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư và triển khai các chương trình, dự án, đề án, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong Danh mục dự án ưu tiên đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này, phải bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn phát triển của đất nước, vùng và địa phương, mục tiêu, định hướng, phương án phát triển đã được xác định tại Quyết định này và quy hoạch cao hơn có liên quan (nếu có).

Trong quá trình nghiên cứu, triển khai các dự án cụ thể, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện về việc xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực và thực tiễn phát triển tỉnh và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Các dự án, công trình đang được rà soát, xử lý theo các Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán và thi hành các bản án (nếu có) chỉ được triển khai

thực hiện sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án (nếu có) và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm đúng các quy định hiện hành.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang trong quá trình thực hiện quy hoạch; phối hợp Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang trong việc đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp, huy động và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, định hướng của quy hoạch bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của đất nước, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của đất nước và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Trần Hồng Hà

Phụ lục I

QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Đô thị	Vai trò, chức năng	Loại đô thị				Ghi chú
			2020	2025	2030	2050	
1	Thành phố Mỹ Tho	Trung tâm tổng hợp, chuyên ngành của vùng; trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh	I	I	I	I	Mở rộng không gian đô thị sang các xã còn lại của thành phố Mỹ Tho (các: xã Đạo Thạnh, Trung An, Tân Mỹ Chánh, Mỹ Phong, Phước Thạnh, Thới Sơn,...) đáp ứng tiêu chí đô thị loại I
2	Thị xã Gò Công	Trung tâm vùng phía Đông	III	III	III	II	Định hướng đến năm 2025, thành lập thành phố Gò Công
3	Thị xã Cai Lậy	Trung tâm vùng phía Tây	III	III	III	II	Mở rộng không gian đô thị sang các xã: Thanh Hòa, Tân Phú, Tân Bình, Phú Quý, Nhị Quý,... Định hướng thành lập thành phố Cai Lậy giai đoạn 2026 - 2030
4	Thị trấn Cái Bè	Thị trấn duyện lỵ	V	V	IV	IV	Mở rộng không gian đô thị về phía xã Đông Hòa Hiệp

STT	Đô thị	Vai trò, chức năng	Loại đô thị				Ghi chú
			2020	2025	2030	2050	
5	Đô thị An Hữu	Đô thị thương mại dịch vụ	V	V	IV	IV	
6	Đô thị Thiên Hộ	Đô thị dịch vụ, du lịch	-	V	V	V	Nâng cấp từ xã Hậu Mỹ Bắc A
7	Đô thị Hòa Khánh	Đô thị thương mại dịch vụ	-	V	V	V	Nâng cấp từ xã Hòa Khánh
8	Thị trấn Tân Hòa	Thị trấn huyện lỵ	V	V	IV	IV	Mở rộng không gian phát triển đô thị, đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại IV
9	Thị trấn Vàm Láng	Đô thị công nghiệp, cảng	V	V	IV	IV	Mở rộng không gian đô thị về phía xã Kiểng Phước
10	Đô thị Tân Tây	Đô thị thương mại, dịch vụ	-	V	V	V	Nâng cấp từ xã Tân Tây, thành lập thị trấn
11	Đô thị Tân Điền	Đô thị dịch vụ, du lịch	-	-	V	V	Nâng cấp từ xã Tân Điền và mở rộng về phía biển
12	Thị trấn Vĩnh Bình	Thị trấn huyện lỵ	V	V	IV	IV	Mở rộng không gian phát triển đô thị đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại IV
13	Đô thị Long Bình	Đô thị thương mại dịch vụ, TTCN	-	V	V	V	Nâng cấp từ xã Long Bình, thành lập thị trấn

STT	Đô thị	Vai trò, chức năng	Loại đô thị				Ghi chú
			2020	2025	2030	2050	
14	Đô thị Đồng Sơn	Đô thị công nghiệp	-	V	V	V	Nâng cấp từ xã Đồng Sơn, thành lập thị trấn
15	Thị trấn Chợ Gạo	Thị trấn huyện lỵ	V	V	IV	IV	Mở rộng không gian đô thị về phía xã Long Bình Điền, xã Hòa Định
16	Đô thị Bến Tranh	Đô thị thương mại dịch vụ	-	V	V	V	Nâng cấp từ xã Lương Hòa Lạc
17	Thị trấn Tân Hiệp	Đô thị CN, thương mại dịch vụ	V	V	IV	-	Mở rộng không gian đô thị đáp ứng tiêu chuẩn đô thị loại IV (đề xuất mở rộng về xã Tân Lý Tây)
18	Đô thị Long Định	Thị trấn huyện lỵ tương lai	-	V	V	-	Nâng cấp từ xã Long Định
19	Đô thị Vĩnh Kim	Đô thị thương mại dịch vụ	-	V	V	-	Nâng cấp kết hợp mở rộng không gian phát triển đô thị của xã Vĩnh Kim
20	Thị trấn Mỹ Phước	Thị trấn huyện lỵ	V	V(*)	IV	IV	
21	Đô thị Phú Mỹ	Đô thị thương mại dịch vụ	-	V	V	V	Nâng cấp từ xã Phú Mỹ
22	Đô thị Tân Lập 1	Đô thị thương mại dịch vụ	-	-	-	V	Nâng cấp từ xã Tân Lập 1

STT	Đô thị	Vai trò, chức năng	Loại đô thị				Ghi chú
			2020	2025	2030	2050	
23	Thị trấn Bình Phú	Thị trấn huyện lỵ	V	V	V	IV	Đến năm 2035 trở thành đô thị loại IV
24	Đô thị Long Trung	Đô thị dịch vụ và du lịch	-	V	V	V	Nâng cấp từ xã Long Trung
25	Đô thị Mỹ Thành Nam	Đô thị thương mại dịch vụ	-	V	V	V	Nâng cấp từ xã Mỹ Thành Nam
26	Đô thị Phú Thạnh (Tân Phú Đông)	Đô thị dịch vụ, du lịch	-	-	V	V	Nâng cấp từ xã Phú Thạnh
27	Thị xã Châu Thành (**)	Đô thị thương mại dịch vụ	-	-	-	IV	Khu vực nội thị của thị xã Châu Thành sẽ gồm các phường[1]: Tân Hiệp, Long Định, Vĩnh Kim (nâng cấp từ các thị trấn lên phường), Tân Lý Đông, Tân Hương, Tân Lý Tây, Thân Cửu Nghĩa, Long An, Tam Hiệp, Nhị Bình, Thạnh Phú, Long Hưng, Đông Hòa, Bình Trưng, Dưỡng Điềm, Hữu Đạo, Bình Đức,

[1] Số lượng, tên gọi, ranh giới các phường sẽ được xác định cụ thể khi lập đề án thành lập phường, thị xã và có thể thay đổi so với thời điểm lập quy hoạch tỉnh do quá trình sắp xếp đơn vị hành chính theo Kết luận số 48/KL-TW và Công điện số 616/CĐ-TTg.

STT	Đô thị	Vai trò, chức năng	Loại đô thị				Ghi chú
			2020	2025	2030	2050	
							Song Thuận, Kim Sơn, Phú Phong (nâng cấp từ các xã lên phường). Khu vực ngoại thị sẽ gồm các xã: Bàn Long, Tân Hội Đông, Điềm Hy.

Ghi chú:

- Định hướng phân loại đô thị bảo đảm phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia. Đô thị thực hiện rà soát, đánh giá, phân loại lại cho các đơn vị hành chính đô thị được sắp xếp, sáp nhập giai đoạn 2019 - 2020 theo các nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Trong quá trình xây dựng phát triển đô thị, nếu các đô thị đạt tiêu chí phân loại đô thị sớm hơn định hướng sẽ cho phép thực hiện các thủ tục đánh giá công nhận phân loại đô thị tại thời điểm đánh giá đạt các tiêu chí phân loại đô thị.

(*): Đến năm 2030 thành lập thành phố, bổ sung thêm các xã Long Khánh, Tân Bình, Mỹ Hạnh Trung để phù hợp ranh nội thị của Quy hoạch chung thị xã Cai Lậy đến năm 2035 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1866/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019.

(**): Giai đoạn sau năm 2030, nâng cấp toàn bộ huyện Châu Thành thành thị xã Châu Thành (đô thị loại IV), thị trấn Tân Hiệp và đô thị Long Định, Vĩnh Kim trở thành phường nội thị của thị xã Châu Thành.

Phụ lục II

DANH MỤC PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ

1. Danh mục khu công nghiệp

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
I	**Các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022**		
1	Khu công nghiệp Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho	79,1
2	Khu công nghiệp Tân Hương	Huyện Châu Thành	197,3
3	Khu công nghiệp Long Giang	Huyện Tân Phước	540,0
4	Khu công nghiệp Dịch vụ dầu khí Soài Rạp	Huyện Gò Công Đông	285,3
5	Khu công nghiệp Bình Đông	Thị xã Gò Công	212
6	Khu công nghiệp Tân Phước 1	Huyện Tân Phước	470
	Tổng cộng		**1.783,6**
II	**Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp đến năm 2030**		
1	Khu công nghiệp Tân Phước 2	Huyện Tân Phước	450
2	Khu công nghiệp Tân Phước 3	Huyện Tân Phước	300
3	Khu công nghiệp Tân Phước 4	Huyện Tân Phước	300
4	Khu công nghiệp Tân Phước 5	Huyện Tân Phước	300
5	Khu công nghiệp Phú Tân	Huyện Tân Phú Đông	225
	Tổng cộng		**1.575**
	Tổng diện tích (I+II)		**3.358,6**

2. Danh mục cụm công nghiệp

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
A	**Các cụm công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất**		
I	**Các cụm công nghiệp đã thành lập**		**101**
1	Cụm công nghiệp Trung An	Thành phố Mỹ Tho	17,46
2	Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh	Thành phố Mỹ Tho	23,571
3	Cụm công nghiệp An Thạnh	Huyện Cái Bè	9,99
4	Cụm công nghiệp Gia Thuận 1	Huyện Gò Công Đông	50
II	**Các cụm công nghiệp bổ sung mới**		**1.086**
1	Cụm công nghiệp Mỹ Phước Tây	Thị xã Cai Lậy	50
2	Cụm công nghiệp Mỹ Hạnh Đông	Thị xã Cai Lậy	50
3	Cụm công nghiệp Mỹ Lợi	Thị xã Gò Công	50
4	Cụm công nghiệp Bình Xuân	Thị xã Gò Công	50
5	Cụm công nghiệp Hậu Thành	Huyện Cái Bè	25
6	Cụm công nghiệp An Cư	Huyện Cái Bè	50
7	Cụm công nghiệp Long Trung	Huyện Cai Lậy	50
8	Cụm công nghiệp Phước Lập	Huyện Tân Phước	60
9	Cụm công nghiệp Thạnh Tân	Huyện Tân Phước	50
10	Cụm công nghiệp Long Bình	Huyện Gò Công Tây	20
11	Cụm công nghiệp Vĩnh Hựu	Huyện Gò Công Tây	38
12	Cụm công nghiệp Đồng Sơn	Huyện Gò Công Tây	70

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
13	Cụm công nghiệp Tân Lý Đông	Huyện Châu Thành	50
14	Cụm công nghiệp Gia Thuận 2	Huyện Gò Công Đông	50
15	Cụm công nghiệp Phước Trung	Huyện Gò Công Đông	30
16	Cụm công nghiệp Phú Thạnh	Huyện Tân Phú Đông	43
17	Cụm công nghiệp Phú Tân	Huyện Tân Phú Đông	75
18	Cụm công nghiệp Thạnh Hòa	Huyện Tân Phước	75
19	Cụm công nghiệp Mỹ Phước 1	Huyện Tân Phước	75
20	Cụm công nghiệp Mỹ Phước 2	Huyện Tân Phước	75
21	Cụm công nghiệp Mỹ Phước 3	Huyện Tân Phước	50
	Tổng cộng (I+II)		**1.187**
B	**Các cụm công nghiệp bổ sung mới, mở rộng khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về cụm công nghiệp đến năm 2030**		
I	**Các cụm công nghiệp dự kiến mở rộng**		**57**
1	Cụm công nghiệp Bình Xuân	Thị xã Gò Công	25
2	Cụm công nghiệp Phú Thạnh	Huyện Tân Phú Đông	32
II	**Các cụm công nghiệp bổ sung mới**		**232**
1	Cụm công nghiệp Mỹ Phước Tây 2	Thị xã Cai Lậy	50
2	Cụm công nghiệp Vĩnh Hựu 2	Huyện Gò Công Tây	32

STT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm	Diện tích dự kiến (ha)
3	Cụm công nghiệp Mỹ Hạnh Trung	Thị xã Cai Lậy	50
4	Cụm công nghiệp Phú Cường	Huyện Cai Lậy	50
5	Cụm công nghiệp Long Bình 2	Huyện Gò Công Tây	50
	Tổng cộng (I+II)		**289**
	Tổng diện tích (A+B)		**1.476**

Ghi chú: Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp, cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư và được cấp có thẩm quyền quyết định và phải bảo đảm đúng về chỉ tiêu sử dụng đất của tỉnh tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025.

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC KHU DU LỊCH, KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN, KHU THỂ THAO TỈNH TIỀN GIANG THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

1. Danh mục khu du lịch, khu bảo tồn thiên nhiên

STT	Tên dự án	Nguồn vốn	Giai đoạn		
			2021 - 2025	2026 - 2030	2030 - 2050
I	**PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH GẮN VỚI ĐÔ THỊ**				
1	Phát triển du lịch đô thị tại thành phố Mỹ Tho: Xây dựng các tuyến phố đi bộ; các khu chợ đêm; phát triển tuyến du lịch sông Bảo Định; tổ chức lễ hội du lịch Mỹ Tho Đại Phố...)	Ngân sách Nhà nước kết hợp kêu gọi các nguồn: tài trợ, xã hội hóa...	x		
2	Phát triển du lịch tại thị xã Gò Công (Tổ chức khu phố cổ phục vụ tham quan du lịch; các tuyến phố đi bộ, chợ đêm; trục dịch vụ hai bên sông Gò Công; tổ chức lễ hội du lịch Làng Thành phố Gò Công...)	Ngân sách nhà nước kết hợp kêu gọi các nguồn: tài trợ, xã hội hóa...	x		
3	Phát triển du lịch tại thị trấn Cái Bè (Xây dựng các tuyến phố đi bộ, các khu dịch vụ ven sông, cảng du thuyền; tổ chức Lễ hội làng cổ Đông Hòa Hiệp và sự kiện trải nghiệm chợ nổi Cái Bè về đêm; ...)		x		
4	Phát triển du lịch tại đô thị Vàm Láng (Quy hoạch không gian du lịch biển)			x	

STT	Tên dự án	Nguồn vốn	Giai đoạn		
			2021 - 2025	2026 - 2030	2030 - 2050
5	Phát triển du lịch tại đô thị Tân Điền (Quy hoạch không gian du lịch biển và các khu vực phát triển du lịch nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, thể thao biển...; xây dựng cảng du thuyền...)			x	
6	Phát triển du lịch tại đô thị Tân Hòa (Quy hoạch không gian du lịch dịch vụ và trục du lịch dịch vụ hai bên sông Long Uông... phát triển các sản phẩm du lịch đô thị - dịch vụ vui chơi giải trí đêm...)			x	
7	Phát triển du lịch tại thị trấn Chợ Gạo: Xây dựng các tuyến phố đi bộ, chợ đêm, bến thuyền du lịch, không gian tổ chức sự kiện...; tổ chức các sự kiện văn hóa du lịch...)			x	
II	**CÁC DỰ ÁN DU LỊCH ĐỘNG LỰC KÊU GỌI ĐẦU TƯ**				
1	Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Cồn Ngang (Tân Phú Đông)	Thu hút đầu tư	x		
2	Khu du lịch Cù lao Thới Sơn (thuộc Khu du lịch quốc gia Thới Sơn) (thành phố Mỹ Tho)	Thu hút đầu tư	x		
3	Khu vui chơi giải trí cao cấp Cồn Tân Long (thành phố Mỹ Tho)	Thu hút đầu tư		x	
4	Khu du lịch sinh thái - tâm linh: Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác và Khu Bảo tồn thiên nhiên Đồng Tháp Mười (huyện Tân Phước)	Thu hút đầu tư	x		

STT	Tên dự án	Nguồn vốn	Giai đoạn		
			2021 - 2025	2026 - 2030	2030 - 2050
5	Khu du lịch biển Tân Thành	Thu hút đầu tư	x		
6	Khu du lịch dịch vụ gắn với trục dịch vụ du lịch sông nước: sông Long Uông (huyện Gò Công Đông) và sông Gò Công (thị xã Gò Công)	Thu hút đầu tư		x	
7	Khu du lịch Làng cổ và Lễ hội quốc tế Đông Hòa Hiệp	Thu hút đầu tư	x		
III	**CÁC DỰ ÁN TU BỔ, BẢO TỒN DI TÍCH LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐIỂM THAM QUAN HẤP DẪN**				
1	Di tích lịch sử quốc gia Chiến thắng Ấp Bắc (thị xã Cai Lậy)	Ngân sách nhà nước kết hợp kêu gọi các nguồn tài trợ	x		
2	Di tích Quốc gia đặc biệt Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút (huyện Châu Thành)	Ngân sách nhà nước kết hợp kêu gọi các nguồn tài trợ	x		
3	Di tích quốc gia khảo cổ Óc Eo - Gò Thành (huyện Chợ Gạo)	Ngân sách nhà nước kết hợp kêu gọi các nguồn tài trợ		x	
4	Hệ thống di tích lịch sử gắn với tín ngưỡng thờ cúng Anh hùng dân tộc Trương Định (thị xã Gò Công, huyện Gò Công Đông, Tân Phú Đông)	Ngân sách nhà nước kết hợp kêu gọi các nguồn tài trợ	x		

2. Danh mục các khu thể thao

TT	Tên cơ sở	Địa điểm
1	Khu thể thao tỉnh Tiền Giang	Thành phố Mỹ Tho
2	Khu thể thao Trung tâm thành phố Mỹ Tho	Thành phố Mỹ Tho
3	Khu thể thao phía Đông thành phố Mỹ Tho	
4	Khu thể thao huyện thị xã Gò Công	Thị xã Gò Công
5	Khu thể thao thị xã Cai lậy	Thị xã Cai Lậy
6	Khu thể thao huyện Châu Thành	Huyện Châu Thành
7	Khu thể thao huyện Chợ Gạo	Huyện Chợ Gạo
8	Khu thể thao huyện Gò Công Tây	Huyện Gò Công Tây
9	Khu thể thao huyện Gò Công Đông	Huyện Gò Công Đông
10	Khu thể thao huyện Tân Phú Đông	Huyện Tân Phú Đông
11	Khu thể thao huyện Cai Lậy	Huyện Cai Lậy
12	Khu thể thao huyện Cái Bè	Huyện Cái Bè
13	Khu thể thao huyện Tân Phước	Huyện Tân Phước

Ghi chú:

- Các khu, điểm du lịch, khu thương mại - dịch vụ tổng hợp, khu nghỉ dưỡng, vui chơi, giải trí, thể thao thời kỳ 2021 - 2030 phải phù hợp với Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

(Xem tiếp Công báo số 133 + 134)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng